

Bản án: 527/2025/DS-PT

Ngày 23 - 5 - 2025

V/v “*Tranh chấp chia di sản thừa kế,
yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền
sử dụng đất*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tưu

Các Thẩm phán: Ông Phan Đức Phương

Ông Mai Xuân Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Hà - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Hùng - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 23 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 355/2025/TLPT-DS ngày 14 tháng 3 năm 2025 về việc “*Tranh chấp chia di sản thừa kế, yêu cầu hủy: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 174/2024/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1525/2025/QĐ-PT ngày 05 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị B, sinh năm 1946 (có mặt);

Nơi cư trú: Tổ B, ấp B, xã A, huyện C, An Giang.

- Bị đơn: Ông Phạm Rời D (Phạm Văn D1), sinh năm 1962 (có mặt);

Nơi cư trú: Tổ B, ấp B, xã A, huyện C, An Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phạm Thị Thùy D2, sinh năm 1947 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số A V, khu phố Q, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

2. Bà Phạm Thị Tuyết M, sinh năm 1968 (vắng mặt);

3. Bà Phạm Thị Tuyết P, sinh năm 1970 (vắng mặt);

4. Bà Phạm Thị Tuyết H, sinh năm 1972 (vắng mặt);
Cùng địa chỉ: Khóm D, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

5. Bà Phan Thị B1, sinh năm 1965 (vắng mặt);
Địa chỉ: Tổ C, ấp B, xã A, huyện C, An Giang.

6. Ủy ban nhân dân (gọi tắt là “UBND”) huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt);

Địa chỉ: Quốc lộ I, thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Phạm Thị B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, các biên bản hòa giải, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị B trình bày:

Cha mẹ bà là ông Phạm Phước Q, sinh năm 1905 đã mất năm 1979, bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1910 mất năm 2004, ông bà có 06 người con, gồm:

1/ Phạm Chắc C, chết 1972, vợ ông C cũng đã chết có 03 người con: Phạm Thị Tuyết M, Phạm Thị Tuyết P và Phạm Thị Tuyết H;

2/ Phạm Thị Thùy D2 (Nô);

3/ Phạm Trắc L (chết);

4/ Phạm Văn R (chết);

5/ Phạm Văn D1;

6/ Bà Phạm Thị B;

Lúc ông bà còn sống có tạo lập được diện tích đất thổ cư và cây lâu năm, đất toạ lạc tại ấp B, xã A, huyện C, tỉnh An Giang. Hiện phần đất này do ông D1 đang quản lý và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (gọi tắt là “GCN.QSĐĐ”) với diện tích là 1.662,40m². Việc ông D1 được cấp GCN.QSĐĐ bà hoàn toàn không biết, ông D1 tự ý đi kê khai trong khi đất là di sản thừa kế chung của các anh chị em của bà, hồ sơ đăng ký kê khai không có ý kiến và chữ ký của các anh chị em của bà và cũng không có văn bản cho vào năm 1985 như ông Phạm Văn D1 kê khai.

Nay bà Phạm Thị B yêu cầu hủy GCN.QSĐĐ số 06437/cG với diện tích 1662,40m² do UBND huyện C cấp ngày 18/7/2002 cho ông Phạm Văn D1. Bà yêu cầu xác định diện tích đất 1662,40m² toạ lạc tại xã A, huyện C, tỉnh An Giang là di sản thừa kế của cha mẹ để lại và yêu cầu chia đều thành 4 phần bằng nhau cho các anh chị em gồm: Bôm, D1, D2 và 3 người con của ông C (M, P, H). Bà B yêu cầu nhận 01 phần thừa kế chia cho bà, để bà cho con bà có chỗ cất nhà để ở.

Tại bản tự khai, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Phạm Văn D1 trình bày:

Ông thống nhất lời trình bày của bà B về hàng thừa kế và thời gian cha mẹ chết. Sinh thời trước năm 1975, cha mẹ ông có 70 công đất toạ lạc tại xã A, huyện C, tỉnh An Giang. Sau năm 1975 thực hiện chủ trương nhường cơm sẻ áo, phân chia ruộng đất của chính quyền cách mạng, cha ông đã giao 60 công đất cho Nhà nước quản lý, cấp cho các hộ khác ở địa phương. Còn lại 10 công lần lượt được cha mẹ ông sử dụng như sau: Năm 1977, cha cho chị Phạm Thị B 3 công đất, chị Phạm Thị Thúy D3 03 công đất, còn lại 4 công do mẹ ông Nguyễn Thị T quản lý. Năm 1987 bán 01 công để lo bệnh cho mẹ và anh Phạm Văn R. Năm 1979, gia đình giao cho chị Phạm Thị B 01 công (bù đắp việc chị bỏ tiền lo chi phí trong thời gian cha bệnh và lo ma chay khi cha qua đời). Còn lại 02 công đất sau này cũng bán luôn để lo cho mẹ ông trong thời gian bệnh tai biến kéo dài từ năm 1990 đến năm 2000. Riêng số đất thổ cư và cây lâu năm (3.500m²) thì vào năm 1988, Nhà nước đã thu hồi 1.200m² đất làm trường học, năm 1991 mẹ ông đã bán cho người khác 800m², hiện nay số đất còn lại 1.660,40m² do vợ chồng ông quản lý, được UBND huyện C cấp GCN.QSĐĐ. Như vậy, hiện nay gia đình ông không còn tài sản nào là di sản thừa kế của cha mẹ để lại.

Nay bà Phạm Thị B yêu cầu hủy GCN.QSĐĐ số 06437/cG ngày 18/7/2002 với diện tích 1662,40m² do UBND huyện C cấp cho ông Phạm Văn D1 và yêu cầu chia di sản thừa kế là ông không đồng ý. Đây là đất phủ thờ dòng họ để thờ cúng ông bà, nên ông không đồng ý chia thừa kế. Trước đây GCN.QSĐĐ này ông đem thế chấp vay vốn tại Ngân hàng K số tiền 220.000.000 (hai trăm hai mươi triệu) đồng ông đã tắt toán nợ cho ngân hàng xong và hiện tại không thể chấp giấy đất ở đâu.

Tại biên bản hoà giải, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị B1 trình bày: Bà là vợ của ông Phạm Văn D1, theo GCN.QSĐĐ có thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận ngày 15/02/2017 có tên bà trong giấy chứng nhận diện tích 1662.40m² do UBND huyện C cấp giấy ngày 18/7/2002. Do chồng bà là ông D1 đem GCN.QSĐĐ vay tiền ngân hàng nên có sự thay đổi trên. Bà cũng xác định đây là tài sản của vợ chồng bà. Trong vụ tranh chấp thừa kế giữa bà B với chồng bà là ông D1, bà không có ý kiến và không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND huyện C có văn bản xin vắng mặt tại phiên tòa.

**** Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 174/2024/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, đã quyết định:***

Căn cứ vào các Điều 26, 34, 37, 39, 147, 157, 164, 165, 166, 227 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 611, 612, 613, 651, 262 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị B về việc yêu cầu bị đơn ông Phạm Văn D1 chia di sản thừa kế với diện tích 1662,40m² do UBND huyện C cấp cho ông Phạm Văn D1.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị B về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 06437/cG với diện tích 1662,40m² do UBND huyện C cấp ngày 18/7/2002 cho ông Phạm Văn D1.

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng; về án phí sơ thẩm, quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

- Ngày 04/10/2024, nguyên đơn bà Phạm Thị B có đơn kháng cáo không đồng ý án sơ thẩm. Lý do kháng cáo: Án sơ thẩm đánh giá chứng cứ không đầy đủ, khách quan, áp dụng chưa chính xác các quy định của pháp luật dẫn đến quyết định không đúng gây thiệt hại quyền, lợi ích hợp pháp của bà. Vì thế, bà B kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- Nguyên đơn có kháng cáo bà Phạm Thị B, trình bày: Bảo lưu lời trình bày ở nội dung án sơ thẩm đã nêu, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, do phần đất bà yêu cầu chia thừa diện tích 1662,40m² theo GCN.QSDĐ số 06437/cG do UBND huyện C cấp ngày 18/7/2002 cho ông Phạm Văn D1 là di sản của cha, mẹ để lại; ông D1 tự kê khai, đăng ký mà không được sự đồng ý của các đồng thừa kế. Nếu không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà thì bà B yêu cầu phần đất 1662,40m² của cha mẹ để lại phải được đứng tên chung chủ sử dụng là các đồng thừa kế với bị đơn để giữ làm nơi thờ cúng tổ tiên, ông, bà.

- Bị đơn ông Phạm Văn D1 trình bày: Bảo lưu lời trình bày như nội dung án sơ thẩm đã nêu, đồng ý với nhận định và quyết định của án sơ thẩm, không đồng ý với kháng cáo của nguyên đơn bà Phạm Thị B, yêu cầu Hội đồng xét xử giữ nguyên án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến thời điểm hiện nay thấy rằng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không có vi phạm.

- Về nội dung: Khi xét xử Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá toàn diện chứng cứ, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật; tại cấp phúc thẩm không có căn cứ nào mới, nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Phạm Thị B, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét khách quan, toàn diện và đầy đủ chứng cứ, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Kháng cáo của nguyên đơn bà Phạm Thị B còn trong hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét lại theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

- Về nội dung:

[1] Đối với kháng cáo của nguyên đơn bà Phạm Thị B, xét:

[1.1] Về yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn bà Phạm Thị B:

Bà yêu cầu xác định diện tích đất 1662,40m² tọa lạc tại xã A, huyện C, tỉnh An Giang là di sản thừa kế của cha mẹ để lại và yêu cầu chia đều thành 4 phần bằng nhau cho các anh chị em gồm: Bôm, D1, D3 và 3 người con của ông C (M, P, H). Bà B yêu cầu nhận 01 phần thừa kế chia cho bà để bà cho con bà có chỗ cất nhà để ở. Xét thấy căn cứ vào phần trình bày của ông Phạm Văn D1 thì sau khi giao 60 công đất cho Nhà nước thì cha mẹ ông còn lại 10 công đất và năm 1977 cha ông có cho bà Phạm Thị B 3 công đất, chị Phạm Thị Thúy D3 03 công đất, còn lại 4 công do mẹ ông Nguyễn Thị T quản lý. Năm 1987, bán 01 công để lo bệnh cho mẹ và anh Phạm Văn R. Năm 1979 gia đình giao cho chị Phạm Thị B 01 công (bù đắp việc chị bỏ tiền lo chi phí trong thời gian cha bệnh và lo ma chay khi cha qua đời). Còn lại 02 công đất sau này cũng bán luôn để lo cho mẹ ông trong thời gian bệnh tai biến kéo dài từ năm 1990 đến năm 2000.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà B cũng xác định là đã được cha cho 3 công đất ruộng canh tác, điều này cũng được bà Phạm Thị Thùy D2 xác định tại Tờ tường trình ngày 06/11/2017 là bà D2 và bà B đều được cha mẹ cho đất ruộng. Từ đó cho thấy bà B cũng được hưởng tài sản từ ông Q và bà T. Còn đối với đất thổ cư và cây lâu năm (3.500m²) theo như ông D1 trình bày thì vào năm 1988, Nhà nước đã thu hồi 1.200m² đất làm trường học, năm 1991 mẹ ông đã bán cho người khác 800m², hiện nay số đất còn lại 1.660,40m² do vợ chồng ông quản lý, được UBND huyện C cấp GCN.QSDD.

Bà B không thừa nhận phần trình bày của ông D1, tuy nhiên bà không có chứng cứ chứng minh phần đất còn lại với diện tích là 1.660,40 m² là tài sản thừa kế của ông Q và bà T, vì thực tế số đất 3,500m² thì 1.200m² đã được Nhà nước trưng dụng, phần còn lại thuộc quyền sử dụng của ông D1 và việc chia đất cho các con đã được ông Q, bà T chia xong trước khi chết. Ngoài ra, bà B hiện tại đã có phần đất để ở và sinh sống ổn định. Do đó, Tòa sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị B về yêu cầu chia thừa kế, là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[1.2] Đối với yêu cầu của bà Phạm Thị B yêu cầu huỷ GCN.QSĐĐ số 06437/cG với diện tích 1662,40m² do UBND huyện C cấp ngày 18/7/2002 cho ông Phạm Văn D1 không được Hội đồng xét xử chấp nhận, bởi lẽ phần đất diện tích 1662,40m² do UBND huyện C cấp ngày 18/7/2002 cho ông Phạm Văn D1 là hợp pháp, đây là phần đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Phạm Văn D1. Việc kê khai cấp giấy đúng trình tự quy định pháp luật.

[1.3] Với những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Phạm Thị B, giữ nguyên án sơ thẩm.

[2] Án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn là người cao tuổi nên được miễn án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, các Điều 26, 34, 37, 39, 147, 157, 164, 165, 166, 227, 273, 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 611, 612, 613, 651, 262 Bộ luật Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Phạm Thị B, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 174/2024/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị B về việc yêu cầu bị đơn ông Phạm Văn D1 chia di sản thừa kế với diện tích 1662,40m² do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Phạm Văn D1.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí cho bà Phạm Thị B.

4. Quyết định khác của án sơ thẩm về chi phí tố tụng, án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Cục THADS tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS (2), VT (5), 20b, (TK-PH).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tửu